

Số: 70/BC-THPTNQT

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDDT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trung học phổ thông Nguyễn Quốc Trinh

2. Địa chỉ trụ sở chính, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử

- Địa chỉ: Thôn Đại Áng, xã Ngọc Hồi, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 02436475103

- Email: c3nguyenquoctrinh@hanoiedu.vn;

- Website: <https://thptnguyenquoctrinh.hanoi.edu.vn>

3. Loại hình cơ sở giáo dục

- Loại hình: Trường công lập

- Trục thuộc: Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu

- Sứ mạng: Tạo dựng được môi trường học tập thân thiện, nề nếp - kỷ cương, chất lượng cao để mỗi học sinh đều có cơ hội học tập, rèn luyện, phát triển hết tiềm năng, phát triển tài năng của mình.

- Tầm nhìn “Có uy tín giáo dục đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội, học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại”.

- Giá trị cốt lõi:



+ Đoàn kết: Xây dựng tập thể đoàn kết, thống nhất, có khả năng tương tác, hỗ trợ cùng hướng đến mục tiêu chung;

+ Nhân ái: Nuôi dưỡng những tâm hồn biết yêu thương, quan tâm, chia sẻ và giàu lòng nhân ái.

+ Tôn trọng: tôn trọng những nguyên tắc và con đường mình đã lựa chọn; biết hòa hợp những nguyên tắc này với mỗi quan hệ xã hội;

+ Trách nhiệm: Nêu cao vai trò bản thân, xây dựng tính tự giác, trách nhiệm cao trong giảng dạy công tác và học tập.

+ Trung thực: Trung thực với bản thân, tránh bệnh thành tích trong giáo dục; Trung thực với mọi người để tạo dựng những mối quan hệ tốt trên cơ sở của lòng tin.

+ Hợp tác: sẵn sàng đón nhận bè bạn ngay cả khi không cùng quan điểm. Đề cao quan hệ mật thiết giữa nhà trường và phụ huynh trong công tác giáo dục học sinh. Đề cao tinh thần hợp tác với các trường bạn trong xã và trong huyện.

+ Sáng tạo: Phát huy tinh thần sáng tạo, đổi mới trong tổ chức, quản lý và các hoạt động dạy học.

- Mục tiêu: Xây dựng trường THPT Nguyễn Quốc Trinh thành một trường có chất lượng giáo dục chất lượng cao trên địa bàn xã Ngọc Hồi nói riêng và của thành phố Hà Nội nói chung. Duy trì trường đạt kiểm định giáo dục mức độ 3, trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

5. Quá trình hình thành và phát triển

Trường THPT Nguyễn Quốc Trinh là đơn vị công lập trực thuộc Sở GD&ĐT Hà Nội được thành lập tháng 7/2019. Dưới sự chỉ đạo sát sao của Sở GD&ĐT Hà Nội, sự quan tâm tạo điều kiện của UBND xã Ngọc Hồi, sự phối hợp của các cấp, các ngành, qua 7 năm hình thành và phát triển, nhà trường đã đạt được những thành tích, kết quả giáo dục khá toàn diện trên tất cả các mặt hoạt động.

Phương châm của nhà trường là “Xây dựng tập thể đoàn kết vững mạnh, nâng cao chất lượng chuyên môn, khẳng định vị thế của nhà trường trong khu vực và trên địa bàn thành phố Hà Nội”.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

- Họ và tên: Ngô Văn Nghĩa - Bí thư Chi bộ-Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Đại Áng, xã Ngọc Hồi, thành phố Hà Nội.
- Email: c3nguyenquoctrinh@hanoiedu.vn;

7. Tổ chức bộ máy

7.1 Quyết định thành lập trường

Trường THPT Nguyễn Quốc Trinh được thành lập theo Quyết định 3974/QĐ-UBND ngày 24/7/2019 của UBND thành phố Hà Nội là đơn vị công lập trực thuộc Sở GD&ĐT Hà Nội.

7.2 Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch Hội đồng trường và các thành viên hội đồng trường.

Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định số 822/QĐ-SGD&ĐT ngày 03/6/2022 của Giám đốc Sở GD&ĐT Hà Nội. Hội đồng trường có 11 thành viên bao gồm đại diện tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Giám hiệu nhà trường, đại diện Công đoàn, đại diện Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, đại diện các tổ chuyên môn, văn phòng, đại diện CMHS.

Các thành viên trong Hội đồng trường được phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể. Chủ tịch Hội đồng trường là Hiệu trưởng nhà trường, các thành viên bao gồm các tổ trưởng chuyên môn, văn phòng, các tổ chức Đoàn thể, đại diện CMHS. Hội đồng trường họp thường niên 3 tháng một lần, họp bất thường khi cần thiết để chỉ ra những tồn tại, nguyên nhân yếu kém đưa ra biện pháp giải quyết, phương hướng cho giai đoạn tiếp theo.

Danh sách thành viên Hội đồng trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Ngô Văn Nghĩa	Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2	Ông Nguyễn Ngọc Ngạn	Chủ tịch Công đoàn	
3	Ông Lương Văn Cảnh	Bí thư Đoàn	
4	Bà Trần Thị Hà	Tổ trưởng chuyên môn	
5	Ông Phạm Việt Hòa	Tổ trưởng chuyên môn	
6	Bà Đặng Thị Thanh Hương	Tổ trưởng chuyên môn	
7	Ông Nguyễn Hữu Thái	Tổ trưởng chuyên môn	
8	Bà Lục Thị Kim Yến	Tổ trưởng tổ Văn phòng	
9	Bà Lê Thị Dung	Phó trưởng phòng Phòng GDĐT huyện Thanh Trì	<i>Đã chuyển công tác</i>
10	Ông Nguyễn Văn Hiên	Trưởng ban đại diện Cha mẹ học sinh	
11	Vũ Thị Minh Phương	Đại diện học sinh	<i>Đã chuyển Trường</i>

Danh sách gồm: 11 đồng chí

7.3 Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng: Quyết định số 868/QĐ-UBND, ngày 22/2/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc bổ nhiệm ông Ngô Văn Nghĩa giữ chức vụ Hiệu trưởng trường THPT Nguyễn Quốc Trinh.

Quyết định bổ nhiệm phó Hiệu trưởng: Quyết định số 1851/QĐ-SGDĐT, ngày 28/9/2020 của Sở GDĐT Hà Nội về việc bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Cẩm Khuê giữ chức vụ Phó hiệu trưởng trường THPT Nguyễn Quốc Trinh.

Quyết định bổ nhiệm phó Hiệu trưởng: Quyết định số 2749/QĐ-SGDĐT, ngày 24/10/2025 của Sở GDĐT Hà Nội về việc bổ nhiệm lại bà Nguyễn Thị Cẩm Khuê giữ chức vụ Phó hiệu trưởng trường THPT Nguyễn Quốc Trinh.

Quyết định bổ nhiệm phó Hiệu trưởng: Quyết định số 214/QĐ-SGDĐT, ngày 29/1/2021 của Sở GDĐT Hà Nội về việc bổ nhiệm ông Nguyễn Xuân Phú giữ chức vụ Phó hiệu trưởng trường THPT Nguyễn Quốc Trinh.

7.4 Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy.

*** Cơ chế tổ chức và hoạt động**

- Trường THPT Nguyễn Quốc Trinh là đơn vị sự nghiệp công lập, có tư cách pháp nhân, tài khoản và con dấu riêng.

- Nhà trường được thực hiện quyền tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên mức 100% theo Quyết định số 2211/QĐ-SGDĐT ngày 16/11/2023 về việc giao tự chủ tài chính cho các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2024-2025.

- Cơ chế hoạt động thực hiện chủ yếu các nhiệm vụ:

+ Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền. Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định;

+ Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước.

+ Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

+ Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

*** Chức năng nhiệm vụ, quyền hạn**

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh THPT theo quy định của Bộ GDĐT.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

*** Sơ đồ tổ chức bộ máy**

+ 01 Hội đồng trường với 11 thành viên.

+ 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 21 đảng viên.

+ Các tổ chức đoàn thể khác hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ.

*** Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường**

Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Thư điện tử
Ngô Văn Nghĩa	Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng	0915256022	ngonghia01041975@gmail.com
Nguyễn Thị Cẩm Khuê	Phó Bí thư Chi bộ - Phó Hiệu trưởng	0968830988	camkhue79nqt@gmail.com
Nguyễn Xuân Phú	Phó Hiệu trưởng	0904049779	nguyenxuanphutd@gmail.com

Địa chỉ làm việc: Thôn Đại Áng, xã Ngọc Hồi, Hà Nội

Số điện thoại: 02436475103

8. Các văn bản khác của nhà trường

*** Năm học 2025-2026**

- Chiến lược phát triển nhà trường: Kế hoạch số 57/KH-THPTNQT, ngày

03/5/2024 của Trường THPT Nguyễn Quốc Trinh về việc chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2026 và tầm nhìn đến 2030.

- Quy chế của Hội đồng trường: Quyết định số 134/QĐ-THPTNQT ngày 18/6/2022 của Trường THPT Nguyễn Quốc Trinh về việc ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng trường nhiệm kỳ 2022-2027.

- Kế hoạch 251/KH-THPTNQT, ngày 18/8/2025 của Trường THPT Nguyễn Quốc Trinh.

- Kế hoạch số 312/KH-THPTNQT ngày 08/9/2025 về thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026.

- Kế hoạch số 313/KH-THPTNQT ngày 08/9/2025 về kiểm tra nội bộ năm học 2025-2026.

- Quyết định số 294/QĐ-THPTNQT ngày 28/8/2025 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường THPT Nguyễn Quốc Trinh năm học 2025-2026.

- Kế hoạch số 317KH-THPTNQT ngày 10/9/2025 về công tác chuyên môn năm học 2025-2026.

- Quyết định số 318/QĐ-THPTNQT ngày 10/9/2025 về việc ban hành quy chế chuyên môn năm học 2025-2026.

- Quy chế dân chủ nhà trường: Quyết định số 341/QĐ-THPTNQT, ngày 12/10/2025 về việc ban hành quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường.

- Các Quyết định, kế hoạch khác về công tác chuyên môn, giáo dục đạo đức học sinh, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, cơ sở vật chất...

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số liệu hiện tại thời điểm báo cáo

Hiện nay, đội ngũ CBGV,NV có 93 đồng chí đồng chí (biên chế, hợp đồng, thỉnh giảng). 100% CBGV, NV đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn. Tập thể nhà trường đoàn kết, nhất trí trong các hoạt động giáo dục. Đội ngũ CBGV, NV có trình độ chuyên môn vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ, có trình độ kỹ năng ứng dụng và sử dụng CNTT, thích ứng với đổi mới phương pháp dạy học đặc biệt với chương trình GDPT 2018.

TT	Môn	Số lượng CBGVNV			Trình độ		Hạng CDNN		
					chuyên môn				
		Tổng số	Biên chế	HD,TG	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	Hạng III	Hạng II	Hạng I
I. CBQL									
1	Hiệu trưởng	1	1		1	1		1	
2	Phó Hiệu trưởng	2	2		1	2	1	1	
TỔNG CBQL		3	3		3	3 100%	1	2	
II. Giáo viên									
1	Toán	14	9	5	14	13	11	3	

2	Tin	5	2	3	5	0	5		
3	Vật lí	6	3	3	6	3	4	2	
4	Hóa	5	3	2	5	3	4	1	
5	Sinh	3	3	0	3	2	3		
6	Công nghệ	2	2	0	2	1	2		
7	Ngữ văn	13	5	8	13	1	11	2	
8	Lịch sử	6	5	1	6	1	4	2	
9	Địa lí	4	3	1	4	1	4		
10	GDCD-GDKTPL	4	4	0	4	2	4		
11	Tiếng Anh	10	9	1	10	2	9	1	
12	Thể dục	5	4	1	5	1	4	1	
13	GDQP	2	2	0	2	0	1	1	
14	Âm nhạc	1	0	1	1	0	1		
15	Mỹ thuật	0	0	0	0	0	0		
16	GD địa phương			0	0		0		
17	HĐTNHN			0	0		0		
TỔNG GIÁO VIÊN		80	54	26	80	30 (37.5%)	67	13	0
III. Nhân viên									
1	Văn thư	1	1		1	1			
2	Kế toán	1	1		1	1			
3	Y tế	1		1	1				
4	Thư viện	0			0				
5	Thủ quỹ	0			0				
6	Lao công	1		1	1				
7	Bảo vệ	4		4	4				
8	Sửa chữa nhỏ	1		1	1				
TỔNG NHÂN VIÊN		9	2	7	9	2 (22.2%)	0	0	0
TOÀN TRƯỞNG		92	59	33	92	35 (38.0%)	68	15	0

100% CBGV đều đạt chuẩn nghề nghiệp từ Khá, Tốt trở lên.

100% cán bộ, giáo viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

2. So sánh số liệu với năm học trước liền kề

Số lượng CBGVNV tăng từ 90 đồng chí lên còn 92 đồng chí (tăng 02 đ/c).

Nguyên nhân: tăng 04 giáo viên; giảm: 02 nhân viên.

- Tăng tỷ lệ CBGVNV đạt trình độ chuyên môn trên chuẩn.

II. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Số liệu tại thời điểm báo cáo

a. Diện tích khu đất

Trường THPT Nguyễn Quốc Trinh được thành lập năm 2019, cơ sở vật chất giai đoạn 1 khá đồng bộ, có đầy đủ các phòng học, phòng bộ môn, phòng chức năng, khu hành chính. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đáp ứng tốt chương trình GDPT 2018. Với diện tích 32.000 m² có sân chơi, bãi tập, nhà thể chất, khuôn viên nhà trường rộng, có đầy đủ tường bao, kiên cố. Vị trí địa lý, mạng lưới giao thông khá thuận lợi cho việc đi lại của học sinh khi đến trường, khuôn viên nhà trường có đầy đủ hệ thống cây xanh, bồn hoa, cây cảnh.

- Năm 2025, hoàn thành công trình cải tạo, xây dựng nâng cấp trường THPT Nguyễn Quốc Trinh trên cơ sở giai đoạn 2 của dự án đã được phê duyệt năm 2010 với 20 phòng (chức năng, phòng học thông thường).

* Thông tin chung số phòng học hiện tại:

1. Phòng học văn hóa:

Phòng học	Tổng số	Chia ra	
		Kiên cố	Bán kiên cố
Phòng học văn hóa	35	35	0

2. Phòng bộ môn (thực hành, thí nghiệm):

Phòng bộ môn	Tổng số	Diện tích	Đạt chuẩn	Chưa đạt chuẩn (ghi rõ nội dung chưa đạt)
1. Vật lý	2	128	x	
<i>Phòng chuẩn bị</i>	2	48	x	
2. Hóa học	2	128	1/2	
<i>Phòng chuẩn bị</i>	2	48	1/2	
3. Sinh học	2	128	x	
<i>Phòng chuẩn bị</i>	2	48	x	
4. Công nghệ	2	128	x	
<i>Phòng chuẩn bị</i>	2	48	x	
5. Ngoại ngữ	2	172	Chưa đạt	
6. Tin học	2	172	x	
<i>Số máy vi tính</i>	82	x	x	x
7. Phòng Âm nhạc	1	68	x	
8. Phòng Mỹ thuật	1	68	x	

9. Phòng khoa học xã hội	1	86	x	
10. Phòng đa năng	1	86	x	
11. Thư viện	1	60	x	
<i>Số lượng sách, tài liệu tham khảo</i>	7043	x	x	x
12. Nhà thể chất	1	630	x	
13. Phòng Y tế	1	30	x	

3. Nhà vệ sinh:

+ Nhà vệ sinh dành cho học sinh: Tổng số: 20 nhà

Trong đó: Đạt chuẩn ☒ Chưa đạt chuẩn ☐

+ Nhà vệ sinh cho giáo viên: Tổng số: 6 nhà

Trong đó: Đạt chuẩn ☒ Chưa đạt chuẩn ☐

B. Tình hình trang thiết bị:

Nội dung	Tổng số	Đang sử dụng	Đề nghị thay thế
1. Bàn ghế học sinh	840	840	48 bộ
+ Loại 1 chỗ ngồi			
+ Loại 2 chỗ ngồi	840	840	48 bộ
2. Bàn ghế giáo viên	51	51	15
3. Bảng	51	51	15
<i>Trong đó:</i> <i>Bảng thông minh</i>	0	0	0
4. Máy vi tính	101	101	6
<i>Chia ra:</i> <i>+ Dùng cho HS</i>	82	82	
<i>+ Dùng cho Quản lý</i>	19	19	6
<i>+ Kết nối Internet</i>	101	101	
5. Số máy in, máy scan	14	14	4
6. Máy chiếu Projecter	30	30	15
7. Máy photocopy	1	1	1
8. Tivi	15	15	5
9. Khác	0	0	0

b. Khối phòng hành chính quản trị, phòng học tập, hỗ trợ học tập, phụ trợ, sân chơi, hạ tầng kỹ thuật.

Khối hành chính - quản trị được bố trí tại 1 khu nhà A kiên cố riêng biệt với 3 tầng nhà Hiệu bộ, đủ điều kiện đáp ứng cho hoạt động của nhà trường. Các phòng đều có ánh sáng tự nhiên, thoáng, mát; Căng tin hiện đại, sạch đẹp, đảm bảo sức khỏe, vệ sinh, an toàn cho học sinh và giáo viên, nhân viên nhà trường. Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị máy tính kết nối internet, máy in, máy photocopy, scan, tủ đựng tài liệu, bảo mật, điện thoại bàn được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của Nhà trường.

Nhà trường có 05 phòng tổ chuyên môn (24 m^2 một phòng), 03 phòng làm việc của lãnh đạo, 01 hội trường, 01 phòng chờ cho giáo viên ($72,5 \text{ m}^2$), 01 phòng y tế (24 m^2), 01 phòng Đoàn thanh niên (24 m^2), 01 phòng văn thư (24 m^2), 01 thư viện (60 m^2), 01 nhà kho và các phòng khác theo quy định. Các phòng đều có đủ cơ sở vật chất để phục vụ hoạt động. Phòng y tế nhà trường rộng 24 m^2 , có đầy đủ trang thiết bị y tế tối thiểu, có đủ các loại thuốc thiết yếu đáp ứng việc sơ cứu ban đầu cho giáo viên và học sinh.

Nhà trường có đủ phòng học bộ môn theo quy định: Tin học 02 phòng, Công nghệ 02 phòng, Vật lý 02 phòng, Hóa học 02 phòng, Sinh học 02 phòng, Âm nhạc 01 phòng, trong đó các phòng đều có lắp đặt máy chiếu projector riêng biệt. Các phòng bộ môn đều được sử dụng thường xuyên, có hiệu quả. Các phòng thực hành Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ đều có phòng nhỏ chuẩn bị hóa chất, đồ dùng bên cạnh phòng thực hành theo đúng qui định.

Khu để xe giáo viên, nhân viên rộng 196 m^2 , có 1 phòng bảo vệ; khu để xe cho học sinh rộng rãi, sạch sẽ. Toàn bộ khu để xe của giáo viên và học sinh đều có hệ thống tường rào xung quanh, đảm bảo thẩm mỹ và an ninh trật tự. Khu vực để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh riêng biệt, rộng, thoáng, có mái tôn che mưa nắng, được bố trí hợp lý, dọc men theo tường rào kiên cố đảm bảo mỹ quan, gần các lối đi lại xung quanh trường và có lắp hệ thống camera giám sát, dễ quản lý, đảm bảo an toàn, sắp xếp khoa học gọn gàng và sạch đẹp. Khu để xe học sinh rộng 900 m^2 đặt ở bên cạnh nhà C, đảm bảo sự thuận tiện, an toàn, riêng biệt khỏi khu học tập, tránh ảnh hưởng tới vấn đề học tập của học sinh, được phân chia theo khối lớp, được nhân viên bảo vệ thường xuyên nhắc nhở và giám sát học sinh để xe gọn gàng, tiện lợi, khoa học đúng nơi quy định; đảm bảo chứa đủ xe của học sinh trong trường. Khu nhà xe của giáo viên khoảng 196 m^2 có chia khu cho các tổ bộ môn, ở ngay gần cổng trường đi vào, đảm bảo khoa học, gọn gàng nên thuận lợi cho việc giáo viên để xe.

Khu sân chơi bãi tập của trường rộng, trang bị đầy đủ các thiết bị cần có để tập luyện các môn thể dục thể thao của học sinh THPT. Sân trường rộng rãi có hệ thống bạt dù tạo bóng mát cho học sinh tập trung trong các giờ chào cờ đầu tuần,

thuận lợi cho việc tổ chức các hoạt động tập thể. Nhà thể chất, bãi tập được bố trí tách biệt hoàn toàn với khu phòng học, thuận tiện cho các giờ học giáo dục thể chất, không ảnh hưởng đến giờ học văn hóa. Trường có khuôn viên thoáng mát, thiết kế sân và xung quanh trường tạo không gian sáng, xanh, sạch, đẹp. Có sân bóng đá, sân bóng rổ, cầu lông và các thiết bị thể thao ngoài trời, đáp ứng yêu cầu để tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Hạ tầng kỹ thuật:

Hệ thống cấp nước sạch: Đáp ứng nhu cầu sử dụng, đảm bảo các quy định và tiêu chuẩn chất lượng, có hệ thống thoát nước, cống thu gom kết hợp rãnh có nắp đậy.

Hệ thống cấp điện: Nhà trường có trạm biến áp, bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của trường.

Hệ thống phòng cháy chữa cháy: Nhà trường có phương án PCCC, bể chứa nước, máy bơm, các trang thiết bị PCCC theo quy định.

Hệ thông thông tin liên lạc: Nhà trường có điện thoại cố định, đường truyền cáp quang đảm bảo 100% các phòng học, phòng làm việc đều có mạng internet.

Khu thu gom rác thải: Bố trí độc lập, xa khu vực làm việc, học tập, không ảnh hưởng đến môi trường.

c. Số thiết bị dạy học hiện có: Thiết bị dạy học được trang bị đầy đủ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

d. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong năm học 2025-2026

	KHỐI 10	KHỐI 11	KHỐI 12
I.	SÁCH GIÁO KHOA KẾT NỐI		
1	Toán 10, tập 1 (Kết nối)	Toán 11, tập 1 (Kết nối)	Toán 12, tập 1 (Kết nối)
2	Toán 10, tập 2 (Kết nối)	Toán 11, tập 2 (Kết nối)	Toán 12, tập 2 (Kết nối)
3	Chuyên đề học tập Toán 10 (Kết nối)	Chuyên đề học tập Toán 11 (Kết nối)	Chuyên đề học tập Toán 12 (Kết nối)
4	Tiếng Anh 10 Global Success - Sách học sinh	Tiếng Anh 11 Global Success - Sách học sinh	Tiếng Anh 12 Global Success - Sách học sinh
5	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp 10 (Kết nối)	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 (Kết nối)	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12 (Kết nối)
6	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 10	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 11	Giáo dục thể chất 12 - Cầu lông (Kết nối)
7	Giáo dục thể chất 10, Bóng đá (Kết nối)	Giáo dục thể chất 11 - Bóng rổ (Kết nối)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 12
10	Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10 (Kết nối)	Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 11 (Kết nối)	Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 12 (Kết nối)

9	Vật lý 10 (Kết nối)	Vật lý 11 (Kết nối)	Vật lý 12 (Kết nối)
10	Chuyên đề học tập Vật lý 10 (Kết nối)	Chuyên đề học tập Vật lý 11 (Kết nối)	Chuyên đề học tập Vật lý 12 (Kết nối)
11	Hóa học 10 (Kết nối)	Hóa học 11 (Kết nối)	Hóa học 12 (Kết nối)
12	Chuyên đề học tập Hóa học 10 (Kết nối)	Chuyên đề học tập Hóa học 11 (Kết nối)	Chuyên đề học tập Hóa học 12 (Kết nối)
13	Âm nhạc 10 (Kết nối)	Âm nhạc 11 (Kết nối)	Âm nhạc 12 (Kết nối)
14	TLCĐ GD nếp sống VMTL cho học sinh Hà Nội - Lớp 10	TLCĐ GD nếp sống TLVM 11	
II	SÁCH BÀI TẬP KẾT NỐI		
1	Bài tập Toán 10, tập 1 (Kết nối)	Bài tập Toán 11, tập 1 (Kết nối)	Bài tập Toán 12, tập 1 (Kết nối)
2	Bài tập Toán 10, tập 2 (Kết nối)	Bài tập Toán 11, tập 2 (Kết nối)	Bài tập Toán 12, tập 2 (Kết nối)
3	Tiếng Anh 10 Global Success - Sách bài tập	Tiếng Anh 11 Global Success - Sách bài tập	Tiếng Anh 12 Global Success - Sách bài tập
4	Bài tập Vật lý 10 (Kết nối)	Bài tập Vật lý 11 (Kết nối)	Bài tập Vật lý 12 (Kết nối)
5	Bài tập Hóa học 10 (Kết nối)	Bài tập Hóa học 11 (Kết nối)	Bài tập Hóa học 12 (Kết nối)
III	SÁCH GIÁO KHOA + CHUYÊN ĐỀ CÁNH DIỀU		
1	Ngữ văn 10, tập 1 (Cánh diều)	Ngữ văn 11, tập 1 (Cánh diều)	Ngữ văn 12, tập 1 (Cánh diều)
2	Ngữ văn 10, tập 2 (Cánh diều)	Ngữ văn 11, tập 2 (Cánh diều)	Ngữ văn 12, tập 2 (Cánh diều)
3	Chuyên đề học tập Ngữ văn 10 (Cánh diều)	Chuyên đề học tập Ngữ văn 11 (Cánh diều)	Chuyên đề học tập Ngữ văn 12 (Cánh diều)
4	Lịch sử 10 (Cánh diều)	Lịch sử 11 (Cánh diều)	Lịch sử 12 (Cánh diều)
5	Chuyên đề học tập Lịch sử 10 (Cánh diều)	Chuyên đề học tập Lịch sử 11 (Cánh diều)	Chuyên đề học tập Lịch sử 12 (Cánh diều)
6	Địa lí 10 (Cánh diều)	Địa lí 11 (Cánh diều)	Địa lí 12 (Cánh diều)
7	Sinh học 10 (Cánh diều)	Sinh học 11 (Cánh diều)	Sinh học 12 (Cánh diều)
9	Tin học 10 (Cánh diều)	Tin học 11 - Tin học ứng dụng (Cánh diều)	Tin học 12 - Tin học ứng dụng (Cánh diều)
10	Công nghệ 10 (Thiết kế & Công nghệ) (Cánh diều)	Công nghệ 11 - Công nghệ cơ khí (Cánh diều)	Công nghệ 2 - Công nghệ cơ khí (Cánh diều)
IV	SÁCH BÀI TẬP CÁNH DIỀU		

1	Bài tập Ngữ văn 10, tập 1 (Cánh diều)	Bài tập Ngữ văn 11, tập 1 (Cánh diều)	Bài tập Ngữ văn 12, tập 1 (Cánh diều)
2	Bài tập Ngữ văn 10, tập 2 (Cánh diều)	Bài tập Ngữ văn 11, tập 2 (Cánh diều)	Bài tập Ngữ văn 12, tập 2 (Cánh diều)
3	Atlas Địa lý Việt Nam	Atlas Địa lý Việt Nam	Atlas Địa lý Việt Nam

2. So sánh số liệu với năm học trước liền kề

Xây dựng thêm mới 01 nhà D: 02 phòng bộ môn Sinh học; 02 phòng bộ môn Ngoại ngữ; 02 phòng đa chức năng; 02 phòng bộ môn Vật lý; 02 phòng bộ môn Hoá học; 02 phòng KHXH; 02 phòng bộ môn Công nghệ; 01 phòng bộ môn Âm nhạc; 02 phòng Tin học; 01 phòng tổ bộ môn; 01 phòng Mỹ thuật.

Số phòng học tăng: 15 phòng phục vụ giảng dạy, học tập. Tổng số hiện có 35 phòng học thông thường.

Nâng cấp cải tạo hệ thống đường truyền Internet ở tất cả các phòng học.

Lắp đặt màn hình LED, thiết bị âm thanh ở nhà thể chất phục vụ các hoạt động giáo dục NGLL của nhà trường. Làm thêm sân bóng chuyền, sân cầu lông, khu luyện tập thể thao cho học sinh. Lắp đặt màn hình LED ở cổng, đầu tư thêm nhiều cơ sở vật chất để phục vụ công tác dạy học cũng như các hoạt động ngoài giờ cho học sinh để tăng cường giáo dục thể chất và kỹ năng sống cho học sinh.

Mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu cho khối 12 đáp ứng yêu cầu Chương trình GDPT 2018. Hiện nay, nhà trường đã đưa vào sử dụng dãy nhà D sau khi được cải tạo, nâng cấp trạm biến áp, cải tạo nhà thể chất. Trồng thêm nhiều cây xanh để cảnh quan nhà trường thêm “Sáng- Xanh- Sạch- Đẹp”.

Thêm 01 phòng Tin học với 24 máy tính phục vụ hiệu quả cho việc học Tin học của học sinh.

Tiếp tục bổ sung các trang thiết bị dạy học, cơ sở vật chất đáp ứng tốt nhất cho nhu cầu giảng dạy, học tập trong nhà trường.

III. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên; Thực hiện Công văn số 520/SGDĐT-KHTC ngày 26/2/2024 của Sở GDĐT Hà Nội về việc thực hiện công tác xây dựng trường chuẩn Quốc gia năm 2024, trường THPT Nguyễn Quốc Trinh đã ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá số 124/QĐ-THPTNQT ngày 06/5/2024. Công cụ đánh giá: Sử dụng bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình tự đánh giá: Thành lập Hội đồng tự đánh giá gồm 22 thành viên với đầy đủ các thành phần (Cấp uỷ, Ban giám hiệu, Chủ tịch công đoàn, Bí thư đoàn trường, đại diện cha mẹ học sinh, đại diện tổ trưởng chuyên môn, hành chính, đại diện giáo viên, nhân viên), phân công công việc rõ ràng cho từng thành viên.

Hội đồng tự đánh giá đã triển khai các cuộc họp để thống nhất quá trình đánh giá, phân công công việc, trách nhiệm của từng thành viên trong Hội đồng. Mỗi thành viên được phân công thu thập tài liệu, nghiên cứu đánh giá và hoàn thành các tiêu chí được giao bao gồm từ mô tả hiện trạng đến tự đánh giá và đầy đủ các minh chứng. Hội đồng tự đánh giá đã đánh giá các tiêu chuẩn, tiêu chí và chỉ báo từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024 theo đúng quy trình hướng dẫn của Bộ GDĐT.

Quá trình tự đánh giá của nhà trường được thực hiện theo 07 bước:

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá;
2. Lập kế hoạch tự đánh giá;
3. Thu thập xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng;
4. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí;
5. Viết báo cáo tự đánh giá;
6. Công bố báo cáo tự đánh giá;
7. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Kết quả đánh giá:

Trường THPT Nguyễn Quốc Trinh đã đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 theo Quyết định số 3033/QĐ-SGDĐT ngày 11/12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội. Trong số 07 trường THPT đạt KĐCLGD, trường THPT Nguyễn Quốc Trinh là trường duy nhất đạt KĐCLGD cấp độ 3.

Trường được Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội tặng Bằng công nhận Trường THPT đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 (mức độ cao nhất) theo Quyết định số 159/QĐ-SGDĐT ngày 17/01/2025. Cụ thể:

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
<i>Tiêu chuẩn 1</i>				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	x
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	

Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
<i>Tiêu chuẩn 2</i>				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chí 2.4		x	x	x
<i>Tiêu chuẩn 3</i>				
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	x
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	x
<i>Tiêu chuẩn 4</i>				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
<i>Tiêu chuẩn 5</i>				
Tiêu chí 5.1		x	x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	
Tiêu chí 5.4		x	x	
Tiêu chí 5.5		x	x	x
Tiêu chí 5.6		x	x	x

Kết quả: Đạt Mức 3.

Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 01		x	
Tiêu chí 02	x		
Tiêu chí 03	x		
Tiêu chí 04		x	
Tiêu chí 05		x	

Kết quả: Đạt Mức 4: Đạt 2/4

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch giáo dục của năm học

a. Công tác tuyển sinh năm học 2025:

+ Chỉ tiêu được giao: 720 học sinh

+ Học sinh tuyển được: 701 học sinh

Phương thức, thời gian tuyển sinh thực hiện đầy đủ theo hướng dẫn của Sở GD&ĐT Hà Nội.

- Cam kết chất lượng giáo dục năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	Đảm bảo đúng theo quy định của Sở GD&ĐT Hà Nội		
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Thực hiện theo chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở GD&ĐT Hà Nội, chương trình giáo dục nhà trường được Sở GD&ĐT phê duyệt.		
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Phối hợp chặt chẽ, thường xuyên và kịp thời giữa nhà trường và gia đình. - Học sinh có ý thức tự giác học tập, tu dưỡng đạo đức, lễ phép văn minh trong ứng xử, chấp hành tốt luật pháp và tích cực tham gia các hoạt động đoàn thể.		
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; tổ chức các hoạt động GD ngoài giờ lên lớp; GD hướng nghiệp; các hội thi; tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo vui tươi lành mạnh gắn với hỗ trợ học tập cho học sinh.		
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Về học lực: Tốt: 42%; Khá 56%; Đạt 2%, CĐ: 0% - Về hạnh kiểm: Tỷ lệ HS xếp loại Tốt: 94%; Khá: 6%; Không có HS đạt/chưa đạt. - 100% học sinh đạt yêu cầu về rèn luyện thân thể.	- Về học lực: Tốt: 65%; Khá 34%; Đạt 1%, CĐ: 0% - Về hạnh kiểm: Tỷ lệ HS xếp loại Tốt: 94%; Khá: 6%; Không có HS đạt/chưa đạt. - 100% học sinh đạt yêu cầu về rèn luyện thân thể.	- Về học lực: Tốt: 66%; Khá 34%; Đạt/CĐ: 0% - Về hạnh kiểm: Tỷ lệ HS xếp loại Tốt: 96%; Khá: 4%; Đạt/CĐ: 0%. - 100% học sinh đạt yêu cầu về rèn luyện thân thể.

VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Tỉ lệ học sinh lên lớp đạt 100%	Tỉ lệ học sinh lên lớp đạt 100%	Tỷ lệ tốt nghiệp THPT cao hơn TB thành phố, học sinh vào Đại học đạt >90%.
----	--	---------------------------------	---------------------------------	--

b. Kế hoạch giáo dục của nhà trường: Kế hoạch 312/KH-THPTNQT ngày 8/9/2025 Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026

c. Quy chế phối hợp hiệu quả giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác giáo dục học sinh: Đảm bảo hiệu quả, góp phần nâng cao trách nhiệm giữa gia đình và xã hội trong việc phối hợp giáo dục học sinh.

d. Các chương trình, hoạt động, học tập, rèn luyện cho học sinh

Ngoài chương trình chính khoá theo chương trình giáo dục hiện hành, học sinh được tham gia các hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khoá, tham quan ngoại khoá, các câu lạc bộ do nhà trường tổ chức.

2. Thông tin kết quả giáo dục thực tế so với cùng kỳ năm học trước.

Học kỳ I năm học 2024-2025		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
Học kỳ I năm học 2024-2025	Khối 12: 547 hs	265	48,45	267	48,81	15	2,74	0	
	Khối 11: 530 hs	274	51,7	246	46,42	10	1,89	0	
	Khối 10: 629 hs	218	34,66	376	59,78	35	5,56	0	
	Tổng: 1706	767	44,37	889	52,11	60	3,52		
Học kỳ I năm học 2025-2026	Khối 12: 524 hs	382	72,9	138	26,43	4	0,76	0	
	Khối 11: 603 hs	334	55,39	258	42,79	11	1,82	0	
	Khối 10: 699 hs	323	46,21	368	52,65	8	1,14	0	
	Tổng: 1826 hs	1039	56,9	764	41,84	23	1,26	0	
So sánh	Khối 12	Tăng (23,74%)		Giảm (22,33%)		Giảm (1,98%)		Không	
	Khối 11	Tăng (3,69 %)		Giảm (3,63%)		Giảm (0,07%)		Không	
	Khối 10	Tăng (11,55%)		Giảm (7,13%)		Giảm (4,42%)		Không	
	Tổng	Tăng (12,5%)		Giảm (10,27%)		Giảm (2,26%)			

* Kết quả rèn luyện so sánh với cùng kỳ năm ngoái

Học kỳ I năm học 2024-2025		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
Học kỳ I năm học 2024-2025	Khối 12: 547 hs	496	90,68	43	7,68	8	1,46	0	0
	Khối 11: 530 hs	479	90,38	44	8,3	6	1,13	1	0,19
	Khối 10: 629 hs	572	90,94	49	7,79	8	1,27	0	0
	Tổng: 1706 hs	1547	90,68	136	7,97	22	1,29	1	0,06

Học kỳ I năm học 2025-2026	Khối 12: 524 hs	494	94,27	27	5,15	3	0,57	0	
	Khối 11: 603 hs	552	91,54	47	7,79	3	0,5	1	0,17
	Khối 10: 699 hs	640	91,56	55	7,89	4	0,57	0	
	Tổng: 1826 hs	1686	92,33	129	7,06	10	0,55	1	0.05
So sánh	Khối 12	Tăng 3,59 %		Giảm 2,53%		Giảm 0,89 %		Không	
	Khối 11	Tăng 1,16 %		Giảm 0,51%		Giảm 0,63 %		Giảm 0,02%	
	Khối 10	Tăng 0,62 %		Tăng 0,1 %		Giảm 0,7 %		Không	
	Tổng	Tăng 1,65%		Giảm 0,91%		Giảm 0,74%		Giảm 0,01%	

* Danh hiệu (nhà trường tự thống kê theo thông tư 22)

Học Kỳ I Năm học 2025-2026	HSXS		HSG	
	Số học sinh	Tỉ lệ	Số học sinh	Tỉ lệ
Khối 10: 699 hs	28	4%	284	40,6%
Khối 11: 603 hs	39	6,47%	286	47,2%
Khối 12: 524 hs	65	12,4%	306	58,4%
Tổng: 1826 hs	132	7,23%	876	47,97%

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai tài chính năm 2025

a. Nguồn ngân sách

Đvt: Nghìn đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao đầu năm / Số thu (ĐVT Nghìn đồng)	Số quyết toán (ĐVT Nghìn đồng)
1	2	3	
I	Dự toán chi ngân sách nhà nước	19.896.359	19.880.757
1	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	19.896.359	19.880.757
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	19.341.265	19.325.663
*	Kinh phí ngân sách nhà nước đặt hàng cung cấp dịch vụ giáo dục sử dụng ngân sách nhà nước năm 2025	18.642.825	18.628.743

	Kinh phí ngân sách đặt hàng 8 tháng đầu năm 2025	12.390.665	12.390.664
	Kinh phí ngân sách đặt hàng 4 tháng cuối năm 2025	6.252.160	6.238.079
*	Kinh phí ngân sách Thành phố cấp bù tiền miễn, giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ	698.440	696.920
	Kinh phí hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND Thành phố		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	555.094	555.094
*	KP Chi nghiệp vụ.	4.650	4.650
	Chia ra:		
	.-Chi trả hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; học bổng cho người khuyết tật.	4.650	4.650
	Kinh phí tiền thưởng để thực hiện Nghị quyết số 08/NQ- HĐND ngày 25/02/2025 của HĐND Thành Phố	550.444	550.444

b. Nguồn dịch vụ: Không có

2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2024-2025 và đầu năm học 2025-2026

*** Học sinh miễn giảm kỳ 1 năm học 2024-2025**

TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Lớp	Thuộc diện chính sách	Ghi chú
I	Học sinh mồ côi cha mẹ				
1	Nguyễn Bảo Lâm	25/10/2009	10D7	Mồ côi cha mẹ	
2	Ngô Thảo Chi	21/02/2008	11D7	Mồ côi cha mẹ	
3	Doãn Nguyễn Bảo Châu	01/09/2008	11D9	Mồ côi cha mẹ	
II	Bệnh binh				

1	Lại Tú Linh	28/08/2009	10D4	Bệnh binh	
III	Thuộc diện cận hộ nghèo				
1	Mã Văn Hoàng	10/01/2009	10A5	Hộ cận nghèo	
2	Nguyễn Thị Minh Ngọc	07/01/2009	10D9	Hộ cận nghèo	
3	Nguyễn Trung Đức	01/01/2008	11A4	Hộ cận nghèo	
4	Lương Tuấn Hùng	02/08/2008	11A4	Hộ cận nghèo	
5	Lê Ngọc Bảo Như	08/03/2007	12D2	Hộ cận nghèo	
6	Nguyễn Việt Hùng	25/07/2007	12D4	Hộ cận nghèo	

*** Học sinh miễn giảm kỳ 2 năm học 2024-2025**

TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Lớp	Thuộc diện chính sách	Ghi chú
I	Học sinh mồ côi cha mẹ				
1	Nguyễn Bảo Lâm	25/10/2009	10D7	Mồ côi cha mẹ	
2	Ngô Thảo Chi	21/02/2008	11D7	Mồ côi cha mẹ	
3	Doãn Nguyễn Bảo Châu	01/09/2008	11D9	Mồ côi cha mẹ	
II	Bệnh binh				
1	Lại Tú Linh	28/08/2009	10D4	Bệnh binh	

*** Học sinh miễn giảm kỳ 1 năm học 2025-2026**

Nhà trường thực hiện miễn giảm theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 và NĐ 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

3. Công khai các khoản thu năm học 2024-2025 và năm học 2025-2026

*** Năm học 2024-2025**

DVT: Nghìn đồng

TT	Nội dung	ĐV tính	Mức thu (nghìn đồng)	Ghi chú
I	Khoản thu theo quy định			

1	Học phí	Đ/HS/tháng	95.000	
II	Khoản thu bắt buộc			
1	Bảo hiểm y tế năm 2022 khối 12	Đ/HS/9tháng	663.000	<i>Thu theo hướng dẫn BHXH Thành phố Hà Nội</i>
2	Bảo hiểm y tế năm 2022 khối 10,11	Đ/HS/12 tháng	884.000	
III	Khoản thu thỏa thuận			
1	Thu nước uống học sinh	Đ/HS/tháng	15.000	<i>Thu theo kỳ, thu theo thực tế tháng học trực tiếp</i>
2	Thu dạy thêm, học thêm	Đ/HS/ tiết học	7.000 trở lên	<i>Theo QĐ số 22/2013/QĐ-UBND</i>
IV	Khoản thu khác			
1	Thu hỗ trợ tiếng Anh nước ngoài (nếu có)	Đ/HS/ tiết học	50.000	<i>Thu theo tiết học thực tế, thỏa thuận</i>
2	Bảo hiểm thân thể (tự nguyện)	Đ/HS/năm học	100.000	
3	Kinh phí hoạt động của ban đại diện CMHS	Đ/HS/kỳ		<i>Mức thu ủng hộ tự nguyện, trích từ quỹ CMHS lớp</i>

*** Năm học 2025-2026**

TT	Nội dung	Mức thu	Dự kiến chi	Thời gian thu
I	Học phí	Được miễn theo quy định		
II	Khoản thu bắt buộc			
1	Thu Bảo hiểm y tế HS khối 10, khối 11	631.800 đồng/ học sinh/12 tháng	Chuyển 100% mua BHYT tại BHXH cơ sở Thanh Trì (<i>thu theo HD tại CV 500/BHXH ngày 12/8/2025</i>)	Dự kiến thu vào tháng 12/2025
	Thu Bảo hiểm y tế học sinh khối 12	473.850 đồng/ học sinh/9 tháng		
III	Khoản thu thỏa thuận			
1	Nước uống học sinh	15.000 Đồng/học sinh/tháng	Chuyển 100% cho đơn vị cung cấp nước tinh khiết	Thu theo kỳ học (<i>Dự kiến thu vào tháng 9/2025</i>)
III	Kinh phí hoạt động của ban đại diện CMHS	Do cha mẹ học sinh quyết định đảm bảo theo đúng Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT	Các hoạt động: khen thưởng học sinh (HSG, HSXS, đạt giải trong các kỳ thi văn hoá, văn nghệ, TDTT...; hỗ trợ các hoạt động tập thể của HS	Đầu mỗi học kỳ của năm học

			(CLB, giải thi đấu TDTT); các HĐ trải nghiệm; thăm hội đồng viên HS, CMHS; tặng quà cho HS vượt khó; hỗ trợ công tác luyện tập, văn nghệ, TDTT chào mừng các ngày lễ trong năm phục vụ cho HS...	
--	--	--	---	--

TT	Nội dung	Mức thu	Dự kiến chi	Thời gian thu
1	Quần áo đồng phục		Thu hộ - chuyển 100% cho nhà cung cấp	<i>Thu theo số lượng học sinh đăng ký mua</i>
	Quần âu (nam, nữ)	160.000đ/quần		
	Somi dài tay	150.000đ/áo		
	Somi cộc tay	145.000đ/áo		
	Bộ thể thao	200.000đ/bộ		
	Áo polo	160.000đ/áo		
	Áo khoác	190.000đ/áo		
2	Bảo hiểm thân thể	140.000đồng/học sinh/ năm	Chuyển 100% cho Tổng công ty CP Bảo hiểm hàng không	<i>Học sinh tự nguyện đăng ký với GVCN. Thu vào đầu năm học.</i>
3	Tiền thẻ học sinh khối 10	60.000đ/HS/ khóa (3 năm học)		<i>Thu đầu năm học</i>
4	Tiếng Anh nước ngoài (do giáo viên bản địa dạy)	50.000đồng/ HS/tiết	Đơn vị liên kết thu 100% số tiết học thực tế từ các lớp.	<i>Thu trước ngày 20 hàng tháng</i>
5	Thuê điều hoà sử dụng tại các phòng học học sinh	200.000đồng/HS/năm	CMHS liên hệ thuê với nhà cung cấp, nhà trường đồng ý cho lắp đặt tại các phòng học	<i>Thuê từ đầu năm học</i>
6	Tiền điện sử dụng điều hòa tại các phòng học học sinh	Thu theo số thực tế sử dụng trên công tơ (thu hộ CMHS)		<i>Thu theo tháng</i>
7	Điểm danh, kiểm diện học sinh bằng khuôn mặt	100.000đồng/HS/năm		<i>Thu theo kỳ</i>
8	Hỗ trợ các kỳ kiểm tra, khảo sát, đánh giá năng lực (nếu có)	50.000 đồng/HS/năm		<i>Thu theo đợt kiểm tra</i>
9	Vận động tài trợ (nếu có)	Theo Thông tư 16/2018/TT- BGDDT		

4. Công khai dự toán thu chi 6 tháng đầu năm 2025

			Đvt: Nghìn đồng		
Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện 6 tháng 2025	(Tỷ lệ %)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
A	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	19.436.954	8.109.012	42%	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	18.880.660	7.846.762	42%	
*	Kinh phí ngân sách nhà nước đặt hàng cung cấp dịch vụ giáo dục sử dụng ngân sách nhà nước năm 2025	18.866.410	7.846.762	42%	
	Kinh phí ngân sách đặt hàng 8 tháng đầu năm 2025	12.555.050	7.846.762	63%	
	Kinh phí ngân sách đặt hàng 4 tháng cuối năm 2025	6.311.360	0		
*	Kinh phí ngân sách Thành phố cấp bù tiền miễn, giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ	9.595	0		
	Kinh phí hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND Thành phố	4.655	0		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	556.294	262.250	47%	
*	KP Chi nghiệp vụ.	556.294	262.250	47%	
	Chia ra:				
	.-Chi trả hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; học bổng cho người khuyết tật.	5.850	2.250	39%	
	.-Kinh phí tiền thưởng để thực hiện Nghị quyết số 08/NQ- HĐND ngày 25/02/2025 của HĐND Thành Phố	550.444	260.000	47%	

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác tổ chức cán bộ

- Tăng cường dự giờ thăm lớp nhằm nâng cao chất lượng giờ dạy của giáo viên nhất là giáo viên biên chế mới ở giai đoạn tập sự.
- Phân công nhiệm vụ học kỳ II đảm bảo đúng người, đúng việc, hiệu quả.
- Khuyến khích CBGVNV tự bồi dưỡng, đáp ứng chương trình GDPT mới. Đặc biệt khả năng ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào giảng dạy và hoạt động nhà trường.

2. Công tác chuyên môn

- Tăng cường đầu tư chất lượng mũi nhọn, giữ vững chất lượng đại trà, tăng cường hướng nghiệp cho học sinh các khối lớp đặc biệt là học sinh lớp 12. Ôn tập cho học sinh 12 dự thi tốt nghiệp THPT năm 2025 đạt hiệu quả.
- Xây dựng các câu lạc bộ tiếng Anh, nếu có điều kiện tổ chức dạy học các môn văn hóa bằng tiếng Anh chuẩn bị cho lộ trình “Tiếng Anh là ngôn ngữ thứ 2”.
- Kiểm tra khảo sát chất lượng cho học sinh lớp 11,12 vào tháng 03/2026.
- Tiếp tục bồi dưỡng HSG lớp 10,11 chuẩn bị cho kỳ thi HSG cụm trường THPT số 06 vào tháng 3/2026.
- Khuyến khích CBGVNV tự bồi dưỡng, đáp ứng chương trình GDPT mới.
- Công tác kiểm tra nội bộ theo kế hoạch đã xây dựng.

3. Công tác giáo dục đạo đức học sinh

- Học sinh thực hiện ký cam kết, đảm bảo an toàn cho học sinh trước, trong và sau dịp nghỉ Tết nguyên đán 2026.
- Chỉ đạo Đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động cho học sinh trước kỳ nghỉ tết như Hội chợ xuân, tổ chức Hội thi gói bánh chưng và các hoạt động khác chào mừng xuân Ất Ty.
- Phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường trong việc giáo dục học sinh đặc biệt về ATGT.
- Phát động phong trào thi đua của học sinh chào mừng 26/3, kết nạp Đoàn cho học sinh.
- Tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khoá, duy trì, đẩy mạnh các CLB cho học sinh tham gia.

4. Cơ sở vật chất

- Tiếp tục bổ sung CSVN, trang thiết bị nhằm đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy, học tập của CBGVNV, học sinh.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giáo dục và giảng dạy, trong hoạt động nhà trường.

5. Công tác khác

- Các tổ chức, Đoàn thể thực hiện theo đúng chức năng nhiệm vụ.

- Thực hiện đánh giá xếp loại viên chức cuối năm học 2025-2026; hồ sơ thi đua khen thưởng cuối năm học.

- Làm tốt công tác tư vấn định hướng nghề nghiệp cho học sinh lớp 12, tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2026-2027.

- Thực hiện các kỳ thi theo sự phân công, điều động.

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2025 của trường THPT Nguyễn Quốc Trinh theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT Hà Nội;
- CBGVNV;
- CMHS, HS;
- Đăng Website;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Ngô Văn Nghĩa